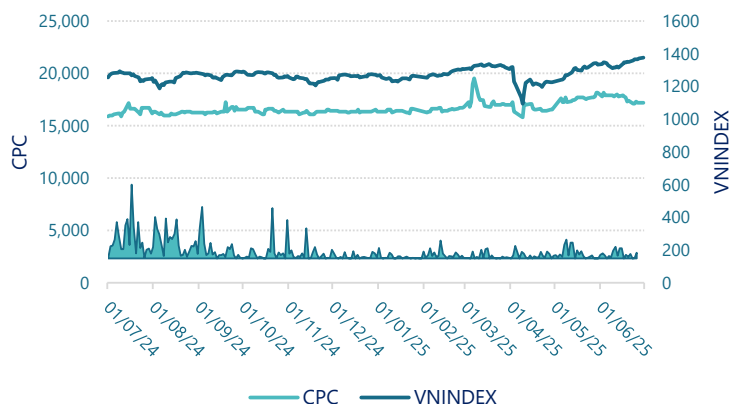


CTCP Thuốc sát trùng Cần Thơ (HNX: CPC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	17,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,526
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,802
SL cổ phiếu LH	4,081,450
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,710
% sở hữu nước ngoài	2.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	70
P/E	10.4
EPS	1,656

DT thuần

Q2/25

63.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 51.6 | 434%

YoY: ▼ 7.20 | -10.2%

LN sau thuế

Q2/25

5.32

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.72 | 787%

YoY: ▼ 2.06 | -27.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

10.9%

+/- YoY: ▼ 5.7%

DT thuần

6T 2025

75.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 13.9 | -15.5%

LN sau thuế

6T 2025

5.92

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 2.39 | -28.8%

ROE

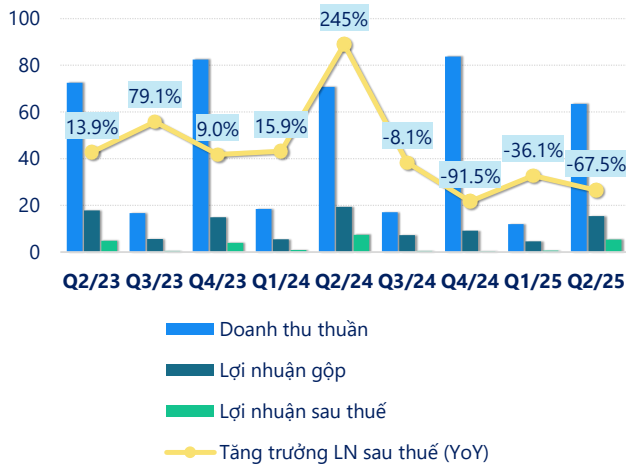
Q2/25

8.1%

+/- YoY: ▼ 7.4%

tỷ VNĐ

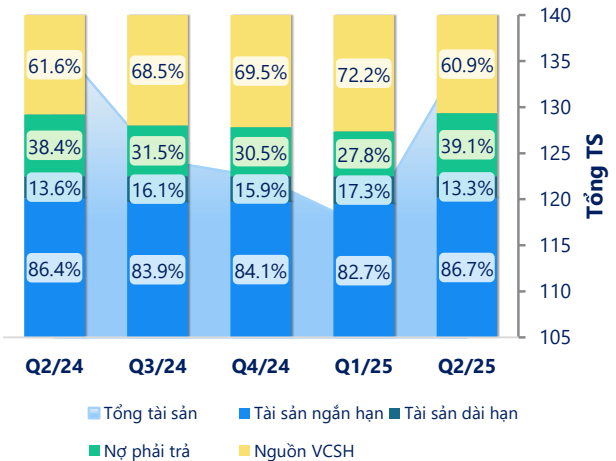
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

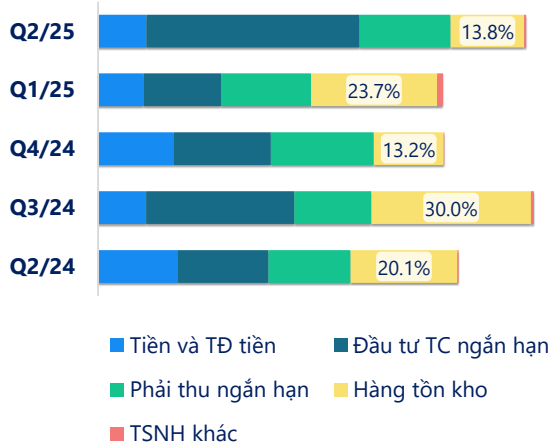
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



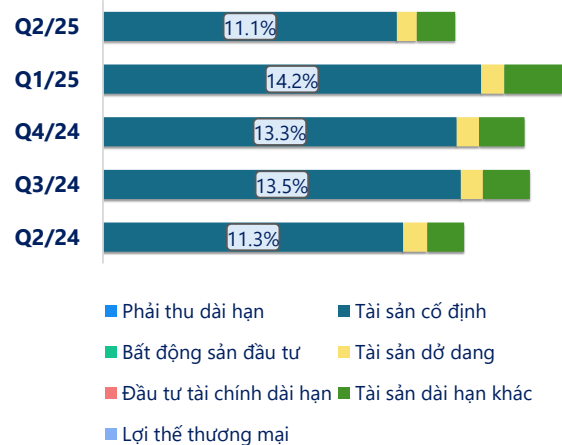
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

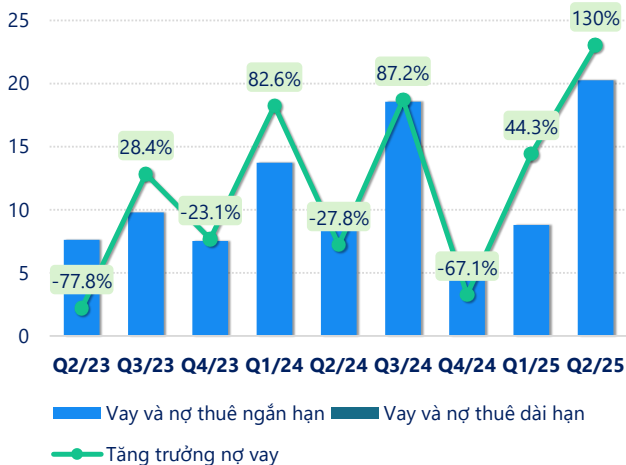
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

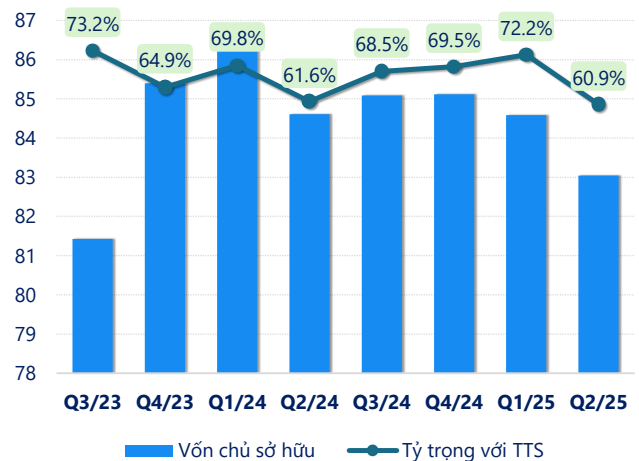
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



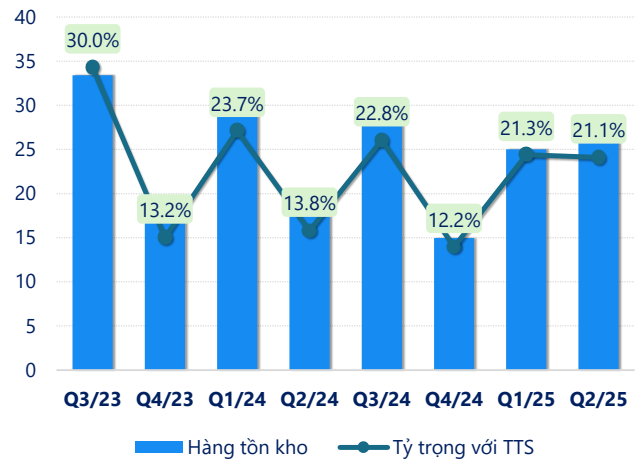
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

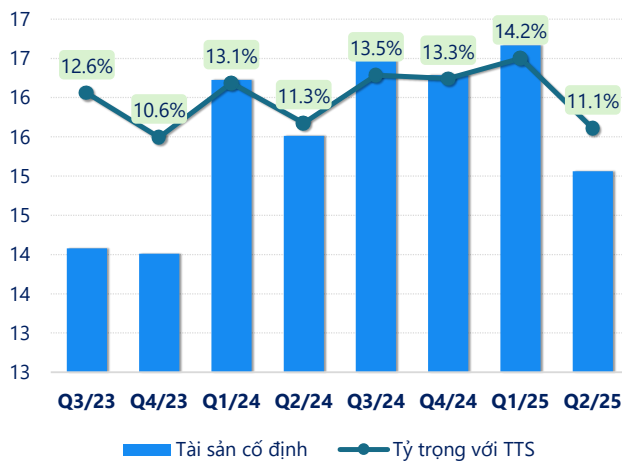

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


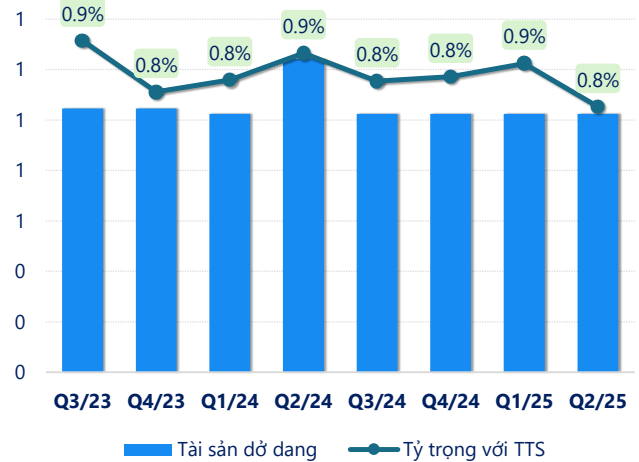
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

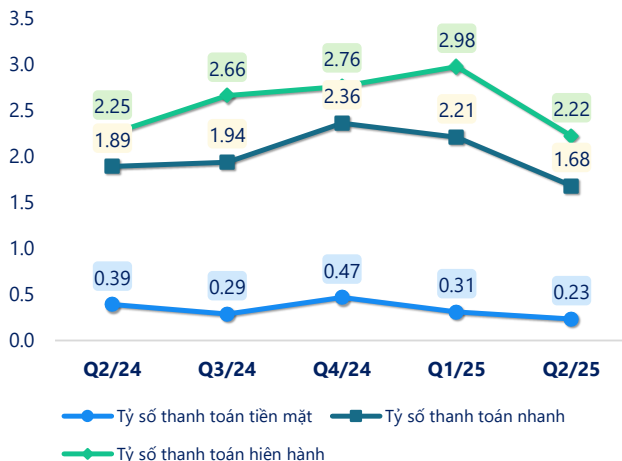
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

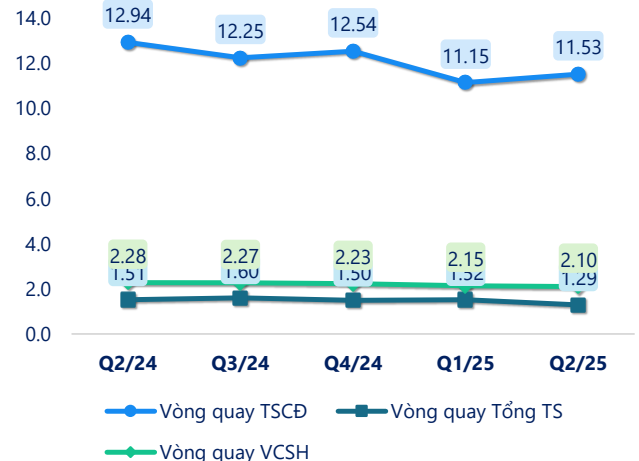
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	137	124	122	117	136
Tài sản ngắn hạn	119	104	103	96.9	118
Tiền và tương đương tiền	20.6	11.3	17.4	10.1	12.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	55.0	44.0	45.0	46.0	48.0
Phải thu ngắn hạn	23.6	19.5	25.4	14.1	28.4
Hàng tồn kho	19.0	28.3	15.0	25.0	28.7
Tài sản ngắn hạn khác	0.49	1.20	0.22	1.78	0.68
Tài sản dài hạn	18.7	20.0	19.4	20.2	18.1
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	15.5	16.7	16.3	16.7	15.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.24	1.02	1.02	1.02	1.02
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	1.90	2.20	2.09	2.53	1.97
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	52.7	39.2	37.3	32.6	53.2
Nợ ngắn hạn	52.7	39.2	37.3	32.6	53.2
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9.91	18.6	6.09	8.80	20.3
Phải trả người bán ngắn hạn	10.5	5.02	9.83	5.26	8.33
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	84.6	85.1	85.1	84.6	83.0
Vốn chủ sở hữu	84.6	85.1	85.1	84.6	83.0
Vốn điều lệ	43.0	43.0	43.0	43.0	43.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)